

NỘI DUNG HỌC TẬP

MÔN: Ngữ văn KHỐI: 6

BÀI/CHỦ ĐỀ: Lắng nghe lịch sử nước mình

Tiết 5, 6: Sự Tích Hồ Gươm

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Tài liệu: Sách giáo khoa Ngữ Văn 6, sách lịch sử, truyện truyền thuyết Văn bản: * Thể loại: Truyền thuyết địa danh: Loại truyền thuyết giải thích nguồn gốc lịch sử của một địa danh. - <i>Sự tích Hồ Gươm</i> - truyền thuyết tiêu biểu về hồ Hoàn Kiếm và về Lê Lợi. 1. Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần đánh giặc - Hoàn cảnh: Giặc Minh đô hộ. Nghĩa quân Lam Sơn còn yếu nên đã nhiều lần bị thua --> Long Quân cho mượn gươm. - Thanh gươm thần kì là tượng trưng cho sức mạnh của toàn dân tham gia đánh giặc. 2. Long Quân đòi gươm đánh giặc - Hoàn cảnh: + Đất nước, nhân dân đã đánh đuổi được giặc Minh. + Lê Lợi lên ngôi vua, nhà Lê dời đô về Thăng Long. - Ý nghĩa chi tiết rùa vàng đòi gươm: + Giải thích tên gọi của hồ Hoàn Kiếm + Đánh dấu và khẳng định chiến thắng hoàn toàn của nghĩa quân Lam Sơn. + Phản ánh tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân ta. Giờ

	đây thứ mà muôn dân Đại Việt cần hơn là cày, cuốc, là cuộc sống lao động dựng xây đất nước. Trá gươm có ý nghĩa là gươm vẫn còn đó, hàm ý cảnh giác cao độ, răn đe kẻ thù. * Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: * <i>Nội dung</i>: Truyện giải thích nguồn gốc tên gọi Hồ Hoàn Kiếm, ca ngợi cuộc kháng chiến chính nghĩa chống giặc Minh do Lê Lợi lãnh đạo đã chiến thắng vẻ vang. * <i>Ý nghĩa</i>: Truyện khẳng định ý nguyện đoàn kết, khát vọng hòa bình của dân tộc ta. b. Nghệ thuật - Kết cấu chặt chẽ, hấp dẫn - Các chi tiết tưởng tượng kì ảo nhiều ý nghĩa.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Tổ chức thực hiện: GV yêu cầu HS trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm: Câu 1: Trong truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm, đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn vật gì? A. Thanh gươm thần. B. Chiếc nỏ thần. C. Bản đồ chỉ dẫn vào doanh trại quân giặc. D. Lá cờ thêu sáu chữ vàng. Câu 2: Chi tiết Lê Lợi được trao gươm báu trong truyện Sự tích Hồ Gươm thể hiện: A. Lê Lợi là người "nhà Trời" được cử xuống giúp dân ta đánh giặc. B. Tính chất chính nghĩa, hợp lòng dân, ý trời của cuộc khởi nghĩa C. Niềm tin vững chắc của nhân dân ta đối với sự thắng lợi của cuộc khởi nghĩa. D. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn được sự giúp đỡ, phù trợ của thánh thần. Câu 3: Nhân vật nào trong truyền thuyết nhận được thanh gươm đầu tiên?

	A. Lê Lợi. B. Lê Lai. C. Nguyễn Trãi. D. Lê Thận. Câu 4: Sau khi nhận được báu vật của đức Long Quân, uy thế của nghĩa quân như thế nào? A. Mạnh lên gấp bội và đuổi được quân xâm lược ra khỏi bờ cõi. B. Ngày một tăng, đánh thắng nhiều trận, làm cho quân xâm lược hoang mang. C. Không có nhiều thay đổi do không có người biết sử dụng. D. Yếu hơn so với lúc chưa có báu vật. Câu 5: Khẳng định truyện Sự tích Hồ Gươm là một truyền thuyết vì: A. Câu chuyện kể về hoạt động của Lê Lợi và nghĩa quân trong quá trình khởi nghĩa. B. Câu chuyện kể về Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa chống quân Minh được kể lại bằng trí tưởng tượng, bằng sự sáng tạo lại hiện thực lịch sử. C. Câu chuyện ghi chép hiện thực lịch sử cuộc kháng chiến chống quân Minh. D. Câu chuyện được sáng tạo nhờ trí tưởng tượng, hư cấu vô cùng phong phú của tác giả dân gian
Hoạt động 3: Học sinh cần nhớ các kiến thức	HS nắm được: - Truyền thuyết là gì? - HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên truyện truyền thuyết: cốt truyện, nhân vật, lời của người kể chuyện, lời của nhân vật.

	- HS nhận biết tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản. - Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tôn trọng, tự hào về lịch sử dân tộc, tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm của ông cha ta.
--	--

BÀI/CHỦ ĐỀ: Lắng nghe lịch sử nước mình

Tiết 7: ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

HỘI THỎI CƠM THI Ở ĐỒNG VÂN

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Tài liệu: Sách giáo khoa Ngữ Văn 6 1. Giới thiệu hội thổi cơm thi ở Đồng Vân - Địa điểm: làng Đồng Vân, xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, Hà Nội - Thời gian: rằm tháng Giêng (15/1 âm lịch) 2. Diễn biến của hội thổi cơm thi - <i>Diễn biến:</i> + Trống chiêng điểm ba hồi, các đội xếp hàng làm lễ dâng hương. + Thanh niên 4 đội leo lên ngọn cây chuối lấy lửa. + Châm diêm lấy lửa từ nén hương mang xuống. + Những người trong nhóm giã thóc, sàng gạo, lấy nước bà bắt đầu thổi cơm. + Sau khoảng một tiếng rưỡi, ban giám khảo đi chấm nồi cơm các đội. - <i>Luật lệ:</i> có nhiều nét độc đáo về quy trình lấy lửa, cách nấu, công việc của người dự thi. → Hội thi thể hiện nét đẹp truyền thống của dân tộc thông qua việc thổi cơm, thể hiện sự khéo léo và nhanh nhẹn của

	con người Việt Nam. 3. Ý nghĩa của hội thổi cơm thi - Nguồn gốc: bắt nguồn từ các cuộc truy quân đánh giặc của người Việt cổ bên dòng sông Đáy xưa. - Mục đích của hội thổi cơm: hội thi là dịp để thanh niên thể hiện sức khỏe, tài năng, sự thông minh, khéo léo và mang lại niềm vui, tiếng cười cho mọi người. → mang đậm bản sắc văn hoá dân gian. * Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: - VB thuật lại lễ hội thổi cơm thi ở làng Đồng Văn diễn ra vào ngày rằm tháng Giêng hàng năm. Qua đó, thể hiện niềm tự hào và trân trọng nét đẹp cổ truyền trong sinh hoạt văn hoá hiện đại của dân tộc. 2. Nghệ thuật - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, sinh động.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	* Tổ chức thực hiện: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm sau: Câu 1: Lễ hội thổi cơm thi ở Đồng Văn được tổ chức tại tỉnh, thành nào sau đây? A. Đồng Tháp B. Hà Nội C. Hà Nam D. Nam Định Câu 2: Mục đích của hội thổi cơm thi là: A. Cầu cho mưa thuận gió hoà B. Cầu cho mùa màng được tươi tốt C. Để cho thanh niên trong làng được dịp đua tài, thể hiện

	sự thông minh, khéo léo và mang đến niềm vui cho dân làng sau những ngày mùa măt nhọc. D. Để nâng cao tay nghề nấu cơm. Câu 3: Công đoạn khó khăn nhất với các đội thi là: A. Giã thóc B. Châm lửa C. Lấy nước D. Lấy lửa - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời các câu hỏi - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
Hoạt động 3: Học sinh cần nhớ các kiến thức	- HS xác định được chủ đề của văn bản - Biết thêm được lễ hội văn hoá truyền thống của dân tộc. - Biết giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc.

BÀI/CHỦ ĐỀ: Lắng nghe lịch sử nước mình

Tiết 8, 9: **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Tài liệu: Sách giáo khoa Ngữ Văn 6, từ điển TV, từ điển thành ngữ.... I. Từ đơn và từ phức 1. Từ đơn Từ đơn là từ chỉ có một tiếng, 2. Từ phức (từ ghép, từ láy) - Từ phức là từ có hai hay nhiều tiếng. - Từ ghép là từ phức do hai hay nhiều tiếng có quan hệ về nghĩa với nhau tạo thành. + Từ láy là từ phức do hai hay nhiều tiếng có âm đầu hoặc vần (hoặc cả âm đầu và vần) giống nhau tạo thành. II. Thành ngữ Là một tập hợp từ cố định, quen dùng. Nghĩa của thành ngữ thường là nghĩa của cả tập hợp từ, thường có tình hình tượng và biểu cảm.

Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	Bài tập 1/ trang 27 <table border="1" data-bbox="472 241 1433 436"> <tr> <th>Từ đơn</th><th>Từ phức</th></tr> <tr> <td> </td><td> </td></tr> </table> Bài 2/ trang 27 <table border="1" data-bbox="472 501 1395 772"> <tr> <th colspan="2">Từ phức</th></tr> <tr> <th>Từ ghép</th><th>Từ láy</th></tr> <tr> <td> </td><td> </td></tr> </table> Bài 3/ trang 28: Tạo các từ ghép a. con ngựa, ngựa đực b. ngựa sắt, sắt thép c. kì thi, thi đua d. áo quần, áo giáp, áo dài Bài 4/ trang 28: Tạo các từ láy a. nho nhỏ, nhỏ nhắn b. khoẻ khoắn c. óng ánh (từ láy đặc biệt, vì cùng vắng khuyết phụ âm đầu). Bài 7/ trang 29 Đáp án: 1c, 2đ, 3d, 4b, 5a	Từ đơn	Từ phức			Từ phức		Từ ghép	Từ láy		
Từ đơn	Từ phức										
Từ phức											
Từ ghép	Từ láy										
Hoạt động 3: Học sinh cần nhớ các kiến thức	- HS nhận biết được các kiểu cấu tạo của từ tiếng Việt: từ đơn và từ phức (từ đơn, từ láy), chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong câu, đoạn văn. - Nhận biết được nghĩa của từ ngữ, hiểu được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng. - Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.										